

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/9/2017

V/v: *Ly hôn giữa*

chị A và anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Lanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huyền Thu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2017/QĐXX-ST ngày 31/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1980 - Hộ khẩu thường trú: Tập thể X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Tập thể T, phường U, quận V, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1981 - Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Tập thể X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/3/2017, và trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị A trình bày:

- Chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường U, quận V, thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 01-2005 ngày 18/8/2005.

Sau khi kết hôn, chị A về chung sống cùng gia đình anh B tại địa chỉ Tập thể X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần, bỏ bê gia đình. Chị A và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải, bản thân chị A đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh B, mong anh B thay đổi. Tuy nhiên, anh B vẫn ham chơi cờ bạc, gia đình không được yên ổn vì bị người đến đòi nợ doạ nạt, đồ mắm tôm vào cửa. Chị A là giáo viên mầm non cũng bị chủ nợ tìm đến tận Trường để đòi trả nợ cho anh B, gây ảnh hưởng đến chị. Do không thể chịu đựng thêm được, nên tháng 10/2016, chị A đã về nhà mẹ đẻ tại Tập thể T, phường U, quận V, thành phố Hà Nội ở cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nhiều lần vợ chồng đã cùng thống nhất ký đơn ly hôn, nhưng rồi suy nghĩ cố gắng vì con cái nên không nộp đơn ra Toà. Cho đến nay, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, chị A đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con chung:

Chị A và anh B có hai con chung là cháu D, sinh ngày xx/xx/2005; và cháu E, sinh ngày xx/xx/2010, tình trạng sức khỏe bình thường.

Từ khi chị A về nhà mẹ đẻ ở, các con chung ở với ông bà nội và bố từ thứ 2 đến thứ 5 để tiện việc các cháu đi học vì nhà gần Trường, chị A qua lại đưa đón các cháu, ông bà nội cơm nước cho các cháu; từ thứ 6 đến chủ nhật, chị A đón các con về ở với mẹ và ông bà ngoại.

Ly hôn, chị A có yêu cầu về con chung như sau: Nếu anh B đến Toà mà vợ chồng thống nhất được thì chị A xin nuôi cháu Linh, để anh B nuôi cháu Trung. Nếu anh B không đến Toà, không thoả thuận được, thì chị A xin nuôi cả hai con chung. Việc đóng góp nuôi con chung, tùy anh B đóng góp theo khả năng của anh B. Chị A không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung (vay nợ và cho vay nợ): Chị A trình bày vợ chồng không có nợ chung, và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, chị A không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Chị A giao nộp tại Toà các tài liệu, chứng cứ gồm bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; xác nhận tạm trú của chị A; Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy khai sinh của các con chung; Đơn đề nghị đề ngày 05/5/2017 của các con chung; Danh sách chi trả tiền lương (tháng 2,3,5) của Trường mầm non LK; Giấy xác nhận đề ngày 11/5/2017 của vợ chồng ông S, bà SU (bố mẹ đẻ chị A) tạo điều kiện về chỗ ở cho chị A và các con, để chứng minh về tư cách tham gia tố tụng, quan hệ hôn nhân, con chung, và điều kiện trực tiếp nuôi con của chị.

Yêu cầu của bị đơn là anh B:

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh B, nhiều lần triệu tập anh B đến Toà làm việc, tổng đạt Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải... Tuy nhiên, anh B vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án, và không giao nộp cho Toà án văn bản, tài liệu gì thể hiện ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, hoặc thể hiện yêu cầu của anh B đề nghị Toà án giải quyết trong vụ án này; cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì về yêu cầu của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

- *Tại biên bản làm việc ngày 22/8/2017*, Công an phường Y cung cấp thông tin: Anh B, chị A, cháu D, cháu E có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tập thể X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội. Hiện tại, anh B cùng các cháu D, E và bố mẹ đẻ anh B là ông N, bà Nh thường xuyên sinh sống tại địa chỉ này. Còn chị A đã về nhà mẹ đẻ ở nhiều tháng nay.

- *Tại biên bản làm việc ngày 11/7/2017*, ông N và bà Nh trình bày: Vợ chồng chị A, anh B sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B chơi bời, dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị A phải trả nợ thay nhưng anh B vẫn không thay đổi. Chị A đã phải về nhà mẹ đẻ ở. Ông bà rất thương chị A, chị A rất tốt và ngoan, nhưng ông bà không khuyên giải được anh B. Chị A xin ly hôn, ông bà để vợ chồng chị tự quyết định. Toà án gửi các văn bản có liên quan cho anh B, ông bà nhận thay và đưa lại ngay cho anh B, ông bà cũng khuyên anh B đến Toà để trình bày yêu cầu, hoà giải, nhưng anh B không đến.

Biên bản làm việc cùng ngày 11/7/2017, Tổ trưởng Tổ dân phố nơi anh B cư trú cũng có ý kiến trình bày về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị A, anh B là do anh B chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị A đã về nhà mẹ đẻ ở nhiều tháng nay.

- *Các cháu D, E* có ý kiến trình bày không thống nhất. Cháu D khi thì có yêu cầu xin ở với mẹ, khi lại có yêu cầu xin ở với bố. Còn cháu E khi thì xin ở

với mẹ, khi lại trình bày ý kiến xin được ở với cả bố và mẹ.

- *Tại Công văn số 182/UBND* ngày 23/8/2017, Ủy ban nhân dân phường Y cung cấp thông tin về hoàn cảnh gia đình vợ chồng chị A như sau: Do anh B chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị A đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống nhiều tháng nay. Về tranh chấp nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, thu nhập của anh B, chị A, Ủy ban nhân dân phường không có thông tin.

Tại phiên tòa: Chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B; chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung, vì anh B chủ yếu dựa vào việc chăm sóc cháu của ông bà nội mà ông bà đã già, sức khỏe không được tốt; việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị A để anh B tự nguyện theo khả năng của anh; chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Anh B vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung vụ án: Chị A và anh B kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, do anh B cờ bạc dẫn đến nợ nần không trả được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2016, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh B. Về việc nuôi con chung, đề nghị giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là chị A khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh B, và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh B cư trú tại địa chỉ tập thể X, phường Y, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh B; nhiều lần triệu tập anh B đến Tòa làm việc; Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; và các văn bản tố tụng khác có liên quan trong vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Mẹ đẻ anh B là bà Nh cùng cư trú với anh B đã nhận các văn bản tố tụng thay anh B và cam kết giao lại ngay cho anh B. Việc tổng đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2005 tại Ủy ban nhân dân phường U, quận V, thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị A, cuộc sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2010, do anh B chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần không trả được, không quan tâm đến gia đình. Chị A đã nhiều lần phải trả nợ thay, và gia đình đã khuyên can rất nhiều nhưng anh B không thay đổi. Cuộc sống của gia đình không yên ổn vì bị chủ nợ đến nhà gây căng thẳng áp lực, và còn đến cả Trường học mầm non nơi chị A công tác gây ảnh hưởng đến chị. Do không chịu đựng được, nên chị A đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 10/2016 đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B, trong đó có thể hiện nội dung yêu cầu khởi kiện của chị A, ý kiến trình bày của chị A về cuộc sống chung và mâu thuẫn vợ chồng. Anh B không có ý kiến bằng văn bản phản đối, hay thể hiện ý kiến khác về yêu cầu xin ly hôn, cũng như ý kiến trình bày của chị A tại Tòa.

Mặt khác, bố mẹ đẻ anh B là ông N, bà Nh, là những người cùng chung sống với vợ chồng chị A, anh B có lời trình bày thống nhất với chị A về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh B chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần không trả được, lần này lại lần khác. Ông bà đã nhiều lần can ngăn nhưng anh B không nghe. Cuộc sống chung trở nên căng thẳng, dẫn đến việc chị A phải về nhà mẹ đẻ ở.

Chính quyền địa phương cũng có thông tin xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần không trả được.

Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị A, anh B mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian đủ để các bên có sự nhìn nhận về cuộc hôn nhân của mình. Chị A xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B cố ý không đến Tòa, không giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho

yêu cầu của mình thể hiện sự thờ ơ, không coi trọng quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Tòa án khuyên giải nhiều lần, nhưng chị A một mực xin ly hôn vì không thể tiếp tục cuộc sống chung cùng anh B. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xử cho chị A được ly hôn anh B.

[4] Về con chung:

Theo chị A, vợ chồng có hai con chung là cháu D, sinh ngày xx/xx/2005; và cháu E, sinh ngày xx/xx/2010. Lời khai của chị A phù hợp với thông tin trong Giấy khai sinh của các cháu D, E. Có căn cứ xác định vợ chồng có hai con chung.

Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị A xuất trình tài liệu, chứng cứ thể hiện chị có nơi ở ổn định là nhà của bố mẹ đẻ tại tập thể T, phường U, quận V, thành phố Hà Nội; có công việc ổn định là giáo viên Trường mầm non LK, để chứng minh điều kiện nuôi dưỡng con chung. Cháu D có ý kiến trình bày không thống nhất, có lúc cháu xin ở với mẹ, có lúc lại xin ở với bố và ông bà nội. Cháu E có lúc xin ở với mẹ, có lúc lại không đưa ra được ý kiến muốn ở với ai. Anh B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện yêu cầu về việc nuôi con và không giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của mình. Nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các con chung, cần giao cháu D và cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Tòa không xem xét.

[6] Về nợ chung vợ chồng: Chị A trình bày vợ chồng không có nợ chung. Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên Tòa không xem xét.

[7] Về án phí: Chị A là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chị A được ly hôn anh B.

2. Về con chung:

Chị A, anh B có hai con chung là cháu D, sinh ngày xx/xx/2005; và cháu E, sinh ngày xx/xx/2010.

Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu E, từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con.

Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung vợ chồng: Chị A trình bày vợ chồng không có nợ chung. Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Chị A phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002487 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường U, quận V (số 88/2005, quyền số 01, ngày 18/8/2005);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Lanh